

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1093/2024/DS - PT

Ngày: 30-12-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Bà Phan Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 908/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 592/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6126/2024/QĐ - PT ngày 25 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 15960/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: A N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Anh V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: H N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1960.

2. Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: C N, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1966.

Địa chỉ thường trú: Số 436B/ 71B /25 đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Lầu 2, số E N, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 6 C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1959.

Địa chỉ liên lạc: A P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 6 C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Anh V (viết tắt là ông V) đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy C, Nguyễn Thị Hương L, Nguyễn Thị Hoàng A, Nguyễn Thị Hoàng Y là chị em. Bà C nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Hương L (bà L) mượn tiền. Đến năm 2013, bà C cùng bà L và ông Nguyễn Hoàng H – chồng của bà L (ông H) ký hợp đồng vay tiền ngày 18/07/2013, số công chứng 019149 tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung: bà L và ông H vay số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng, thời hạn vay 01 (Một) năm kể từ ngày 01/08/2013, lãi suất vay là 01%/tháng.

Ngày 20/7/2013, bà L viết giấy vay nợ, xác nhận có nhận nợ vay của bà C số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng, từ ngày 01/8/2013 và cam kết trả nợ sau một năm, lãi suất 2%/tháng. Người làm chứng gồm có: bà Nguyễn Thị Hoàng Y (bà Y) và bà Nguyễn Thị Hoàng A (bà A) cùng ký.

Đến hết ngày 01/08/2014, bà L vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà L và ông H trả tiền. Trong quá trình vay, bà L và ông H chỉ đã trả cho nguyên đơn được 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Bà C không nhớ chính xác ngày trả tiền, chỉ nhớ trong năm 2013.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà L và ông H:

Trả số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng và tiền lãi đối với khoản vay trên tạm tính đến ngày 28/7/2023 là:

+ Tiền lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/8/2013 đến ngày 31/7/2014 là: 5.000.000.000 đồng x 12 tháng x 1% = 600.000.000 đồng.

+ Tiền lãi tính từ ngày 01/8/2014 đến ngày 28/7/2023 (107 tháng 28 ngày làm tròn là 107,5 tháng) với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,755/tháng là: 5.000.000.000 đồng x 107,5 tháng x 0,75% = 4.031.250.000 đồng.

Tổng tiền lãi là 600.000.000 đồng + 4.031.250.000 đồng – 300.000.000 đồng = 4.331.250.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi là: 5.000.000.000 đồng + 4.331.250.000 đồng = 9.331.250.000 (Chín tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Yêu cầu bà L và ông H trả một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/5/2017 (viết tắt là Quyết định số 94) và quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định số 316/2020/QĐ-SCBSQĐ ngày 21/9/2020 (viết tắt là Quyết định số 316), quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 93/2017/QĐ-BPBD ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3 (viết tắt là Quyết định số 93).

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:

Tôi có ký hợp đồng công chứng ngày 18/07/2013 (cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hương L), nội dung là thỏa thuận sẽ vay của bà C 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng, với lãi suất 1%/tháng và thực tế thỏa thuận này không được thực hiện vì tôi không nhận khoản tiền nào. Tôi ký để giúp cho bà C chứng minh tài chính xin hồ sơ đi Mỹ.

Đối với giấy vay nợ sẽ vay 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng ngày 20/7/2013 (có thể do bà L ký), lãi suất 2%/tháng. Tôi không biết, không ký, không nhận tiền, không liên quan cũng như không chịu trách nhiệm về thỏa thuận này.

Việc Tòa án Quận C thụ lý vụ kiện này là sai luật vì chứng cứ với 02 tài liệu trên không có liên quan đến tôi nên tôi không phải chịu trách nhiệm về khoản vay của bà C. Đề nghị cấp có thẩm quyền hủy bỏ việc thụ lý giải quyết vụ kiện này, vì tôi không phải là bị đơn của vụ kiện.

Căn cứ kết luận giám định pháp y tâm thần số 3208/2017/KLGĐTC ngày 21/8/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố H – Bộ Y1 đối với bà Nguyễn Thị Hương L: 1.1 Về y học: đang sự bị bệnh: Rối loạn cảm xúc hỗn hợp thực tổn. Bệnh teo não đa hệ thống (F06.33-ICD10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (viết tắt là kết luận số 3208). Nên bà L không đến Tòa được, xin vắng mặt.

Tôi đề nghị Tòa án hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Tôi và ông H có ký hợp đồng công chứng ngày 18/07/2013, thỏa thuận sẽ vay của bà C 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng. Tôi không nhận tiền của bà C và bà C không có giao tiền cho tôi. Do đó, tôi không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với giấy vay nợ ngày 20/7/2013 không phải do tôi viết và ký, đề nghị Tòa án cho tiến hành giám định toàn bộ nội dung giấy vay nợ trên. Giấy vay nợ để bà C tạo thêm chứng cứ.

Lời khai của bà Y, bà A về việc có chứng kiến việc bà C giao cho tôi số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng là sai sự thật.

Tôi không có nhận số tiền vay 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng nên tôi không có trả khoản tiền lãi 300.000.000 đồng như nguyên đơn nêu. Hợp đồng vay tiền và giấy vay nợ là hợp đồng giả tạo để làm bằng chứng chứng minh về tài chính cho hồ sơ xin visa du lịch đi Mỹ và hợp thức hóa việc đăng ký kết hôn để bà C định cư tại Mỹ.

Tôi đề nghị Tòa án hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3 đối với nhà đất tại số C N, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04/7/2023 bà L gửi Tòa án đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn trình bày của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng bà Nguyễn Thị Hoàng A trình bày:

Bà C có cho bà L ông H vay 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng nên ngày 20/7/2013 bà L tự viết và ký giấy vay nợ, tôi và bà Nguyễn Thị Hoàng Y ký phần người làm chứng.

Ngoài ra, ngày 18/07/2013 bà C và bà L, ông H có ký hợp đồng vay tiền tại Phòng C1, nội dung thỏa thuận trả tiền lãi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số 060050339192, mở tại S do tôi là chủ tài khoản. Tại thời điểm ký công chứng, tôi có mặt nhưng phòng công chứng không yêu cầu tôi ký.

Tuy nhiên, kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền, giấy vay nợ cho đến nay, bà L ông H không chuyển khoản tiền lãi nào của khoản vay 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng cho tôi bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

Do hợp đồng vay tiền và giấy vay nợ có ghi tên tôi nên tôi trình bày sự thật, do bận việc tôi xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:

Bà C có cho bà L, ông H vay 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng nên ngày 20/7/2013 bà L tự viết và ký giấy vay nợ, tôi và bà Nguyễn Thị Hoàng A ký phần người làm chứng.

Do giấy vay nợ có ghi tên tôi nên tôi trình bày sự thật, do bận việc tôi xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 592/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy C.

Buộc ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy C số tiền nợ gốc: 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng; tiền lãi là: 4.331.250.000 (Bốn tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi là: 5.000.000.000 đồng + 4.331.250.000 đồng = 9.331.250.000 (Chín tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/5/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định số 316/2020/QĐ-SCBSQĐ ngày 21/9/2020; quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 93/2017/QĐ-BPBD ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L không nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thùy C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.450.000 (Năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AC/2014/0003786 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 07/8/2023, bị đơn ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L có đơn kháng cáo (bổ sung ngày 16/8/2023) yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 1213/2023/DS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 592/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy C về việc buộc ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy C số tiền nợ gốc: 5.000.000.000 đồng; tiền lãi là: 4.331.250.000 đồng.

Giải tòa quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/5/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định số 316/2020/QĐ-SCBSQĐ ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Giải tòa quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 93/2017/QĐ-BPBD ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có quyết định của cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thùy C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.331.250 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.450.000 đồng theo biên lai thu tiền số AC/2014/0003786 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thùy C còn phải tiếp tục nộp 59.881.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hương L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0022227 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0022223 ngày 17/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/01/2024, bà C có đơn đề nghị xem xét lại bản án dân sự phúc thẩm số 1213/2023/DS-PT ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 22/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 115/QĐ-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm số 1213/2023/DS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 1213/2023/DS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 592/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 242/2024/DS-GĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần kháng nghị số 115/QĐ-VKS-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 1213/2023/DS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy C; bị đơn là bà Nguyễn Thị Hương L và ông Nguyễn Hoàng H (và những người khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng).

2/ Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: thực tế là trước ngày ký hợp đồng vay tiền công chứng ngày 18/7/2013 thì bà C chưa cho ông H – bà L vay đồng nào. Thêm vào đó, hồ sơ vụ án thể hiện rõ và các bên cũng đều thừa nhận, từ ngày ký hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2013 đến ngày 20/7/2013 (ngày bà Nguyễn Thị Hương L ký “Giấy vay nợ”) thì bà Nguyễn Thị Thùy C cũng không có giao cho bà Nguyễn Thị Hương L hay ông Nguyễn Hoàng H đồng nào. Nên “Giấy vay nợ” của Nguyễn Thị Hương L ngày 20/7/2013 cũng là giấy vay nợ không (không có khoản tiền được giao nhận giữa hai bên). Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy C là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm số 592/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thùy C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: trình bày của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tiền ký tại phòng công chứng có nhiều mâu thuẫn trong chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; nguyên đơn không chứng minh được có việc giao nhận tiền thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đối với giấy vay nợ ngày 20/7/2013 chỉ có bà L ký nên không phù hợp với hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2013; không có việc giao lãi nên việc nguyên đơn trình bày có số tiền lãi 300.000.000 đồng cũng không có căn cứ. Đối với người làm chứng, tại bản án phúc thẩm trước đây cũng đã nhận định không chứng kiến việc giao nhận

tiền. Không có chứng cứ giao nhận số tiền 5 tỷ đồng giữa nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn thấy hợp đồng vay tiền ký tại phòng công chứng ngày 18/7/2013 có sơ xuất nên ngày 20/7/2013 nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn (bà L) viết giấy nhận nợ. Vì có nhận tiền, có nợ nên bà L mới xác nhận có nợ, xác nhận sự việc đã xảy ra, bà L cũng đã xác nhận đây là giấy nợ duy nhất. Bệnh lý của bà L xảy ra sau khi bà L viết giấy nhận nợ. Đối với người làm chứng là chị em ruột của bà C, bà L, không mâu thuẫn quyền lợi gì, xác nhận có sự vay tiền và đồng ý làm chứng. Nguyên đơn xác nhận có sự cho vay, việc vay đã diễn ra trước đây nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: có căn cứ xác định 02 bên có sự việc vay tiền, nguyên đơn đã đưa tiền cho bị đơn đầy đủ, bị đơn đã xác nhận có nợ nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu. Bản án số 592/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã xem xét toàn diện, đầy đủ các chứng cứ. Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 592/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định đơn kháng cáo là hợp lệ.

- Về sự ủy quyền của đương sự: Nguyên đơn ủy quyền cho ông Phạm Anh V đại diện; Bị đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Thành L1 đại diện. Việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y; bà Nguyễn Thị Hoàng A có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2013, tại Phòng C1 bà Nguyễn Thị Thùy C (bên cho vay – bên A); bà Nguyễn Thị Hương L và ông Nguyễn Hoàng H (bên vay – bên B) cùng thỏa thuận những nội dung chính như sau:

- Bên A đồng ý cho bên B vay và bên B đồng ý vay của bên A số tiền là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/08/2013; lãi suất là 1%/tháng, trả hàng tháng vào ngày mùng 01 (dương lịch) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Hoàng A tại S (số tài khoản: 060050339192).

- Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện sau khi ký kết hợp đồng và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên.

Đối với hợp đồng vay tiền này, bà L, ông H xác nhận có ký hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2013 nhưng thực tế ông bà không có nhận số tiền 5.000.000.000 đồng và bà C cũng không giao 5.000.000.000 đồng cho ông bà.

[2.2] Tại Giấy vay nợ ghi ngày 20/07/2013 có nội dung chính như sau: “ Tôi tên Nguyễn Thị Hương L sinh 1960....xác nhận có nhận nợ vay của em tôi là Nguyễn Thị Thùy C...số tiền là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) từ ngày 1/8/2013. Lãi xuất hàng tháng tôi phải trả là 2% một tháng trên tổng số nợ vay...Tiền này sẽ được trả vào tài khoản sốcủa Nguyễn Thị Hoàng A...Mọi giấy nợ tôi ghi trước đây với Thùy C đều không còn giá trị thanh toán. Đây là giấy nợ duy nhất...” .

Đối với giấy vay nợ này, ông H cho rằng không biết và không ký tên; bà L thì cho rằng chữ viết và chữ ký tại giấy nợ này không phải là chữ viết và chữ ký của bà. Tuy nhiên, theo kết luận giám định số 4987/KL-KTHS ngày 15/11/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ viết và chữ ký “Nguyễn Thị Hương L” tại giấy vay nợ ngày 20/07/2013 là do chính bà Nguyễn Thị Hương L viết và ký ra. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà L cho rằng đây là giấy nợ ký không, thực chất không có việc giao nhận tài sản giữa các bên.

[3] Nhận thấy: bà L, ông H đều xác nhận có ký Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2013, bà L có viết giấy vay nợ ngày 20/7/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L khai hợp đồng vay tiền và Giấy vay nợ là hợp đồng giả tạo để làm bằng chứng chứng minh về tài chính cho hồ sơ xin visa du lịch đi Mỹ và hợp thức hóa việc đăng ký kết hôn để bà C định cư tại Mỹ . Tuy nhiên, lời trình bày của bà L không có căn cứ, vì nếu chứng minh tài chính cho bà C sẽ không cần có những sự kiện riêng biệt như người làm chứng, việc trả lãi qua tài khoản của bà Nguyễn Thị Hoàng A. Ngoài ra , tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày giữa bà C, bà L có thỏa thuận miệng là chứng minh tài chính cho

bà C đi định cư tại Mỹ nhưng bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ký hợp đồng vay tiền là giả tạo.

[4] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 242/2024/DS-GĐT ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: “Xét thấy, mặc dù hợp đồng vay tiền ngày 18/07/2013 chỉ đơn thuần là một sự hứa hẹn sẽ cho vay của bên cho vay, nhưng xét tài liệu này trong mối tương quan với giấy vay nợ ngày 20/07/2013 (lập sau đó 02 ngày), thì có căn cứ xác định rằng cả 02 tài liệu đó, đều chứng minh được rằng phía bà L, ông H thừa nhận còn nợ bà C số tiền 5.000.000.000 đồng chưa trả; đây là một khoản nợ phát sinh từ trước ngày thiết lập hợp đồng vay tiền ngày 18/07/2013 và giấy vay nợ ngày 20/07/2013...” .Từ đó, hủy bản án phúc thẩm số 1213/2023/DS-PT ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hợp đồng vay tiền ngày 17/8/2013 và giấy vay nợ ngày 20/7/2013 là một khoản vay của số tiền 5.000.000.000 đồng. Tại Giấy vay nợ ngày 20/7/2013 bà L xác nhận đã nhận số tiền vay 5.000.000.000 đồng. Ông H đã biết có khoản nợ này và chấp nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông ký hợp đồng vay tiền. Hợp đồng vay tiền lập trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập. Vì vậy ông H bà L cùng có nghĩa vụ trả khoản tiền vay 5.000.000.000 đồng và tiền lãi cho bà C.

[6] Do đó, có căn cứ xác định 02 bên có sự việc vay tiền, nguyên đơn đã đưa tiền cho bị đơn đầy đủ, bị đơn đã xác nhận có nợ nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu. Bản án số 592/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã xem xét toàn diện, đầy đủ các chứng cứ. Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm. Tuy nhiên, để đảm bảo việc thi hành án cần giữ nguyên các nội dung này theo bản án sơ thẩm. Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án số 592/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn thuộc trường hợp miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, 148, 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1, 5 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 Nghị định 126/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N; Điều 2 Luật người cao tuổi ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 592/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy C.

Buộc ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy C số tiền nợ gốc: 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng; tiền lãi là: 4.331.250.000 (Bốn tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi là: 5.000.000.000 đồng + 4.331.250.000 đồng = 9.331.250.000 (Chín tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 94/2017/QĐ-BPKCTT ngày 26/5/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định số 316/2020/QĐ-SCBSQĐ ngày 21/9/2020; quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 93/2017/QĐ-BPBD ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L không nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thùy C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.450.000 (Năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AC/2014/0003786 ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Hương L được miễn án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- TAND quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương

